

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ⁽¹⁾, Chương trình số 40-CTr/TU, ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy⁽²⁾ và Kế hoạch số 93-KH/ĐU, ngày 09/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh⁽³⁾

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW);

Căn cứ Chương trình hành động số 34-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 34-CTr/TW);

Căn cứ Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 218/NQ-CP);

Căn cứ Chương trình số 40-CTr/TU, ngày 24/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 34-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (sau đây viết tắt là Chương trình số 40-CTr/TU);

Căn cứ Kế hoạch số 93-KH/ĐU, ngày 09/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình số 40-CTr/TU, ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 34-CTr/TW, ngày

¹ Về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

² Triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 34-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

³ Triển khai thực hiện Chương trình số 40-CTr/TU, ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 34-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 93-KH/ĐU);

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ, Chương trình số 40-CTr/TU, ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 93-KH/ĐU, ngày 09/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định trong Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình số 40-CTr/TU ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 93-KH/ĐU ngày 09/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh thành các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án cụ thể thuộc trách nhiệm quản lý, điều hành của UBND tỉnh.

- Phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế về vị trí địa chiến lược, hệ thống cảng biển, biển, đảo, tài nguyên biển, nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng để thúc đẩy phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, có giá trị gia tăng cao; xây dựng và phát triển Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Xác định rõ nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm, tiến độ, nguồn lực và thẩm quyền thực hiện; bảo đảm phương châm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”.

2. Yêu cầu

- Bám sát, cụ thể hóa đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 218/NQ-CP, Chương trình số 40-CTr/TU và Kế hoạch số 93-KH/ĐU; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và điều kiện thực tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện khoa học, khả thi; gắn với Quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và các chương trình, đề án, dự án đang triển khai.

- Phát triển kinh tế biển gắn chặt với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; không đánh đổi môi trường, quốc phòng, an ninh và lợi ích lâu dài để lấy tăng trưởng kinh tế.

- Kế thừa các nhiệm vụ, chương trình, đề án đang triển khai theo Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) và các văn bản có liên quan; đồng thời rà soát, cập nhật các yêu cầu mới của Nghị quyết số 20-NQ/TW, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo,

đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng được nền tảng cơ bản để phát triển Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên và không gian biển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái biển dựa trên đổi mới tư duy quản trị biển, ứng dụng khoa học, công nghệ, dữ liệu số.

- Phát huy được lợi thế, hình thành các ngành kinh tế biển mũi nhọn, động lực và không gian phát triển mới, có đóng góp quan trọng tăng trưởng của tỉnh; nâng cao đời sống Nhân dân vùng biển, hải đảo; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển; bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo.

b) Mục tiêu cụ thể

- *Về kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của tỉnh phấn đấu đạt 10,5%/năm. GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 theo giá hiện hành khoảng 210 triệu đồng/người (tương đương khoảng 8.000 USD). Phát triển điện gió ngoài khơi đạt 02 GW; tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch biển, đảo bình quân 14%/năm; phát triển mạnh nuôi biển, tăng giá trị sản xuất nuôi biển bình quân 8%/năm, tỉ trọng nuôi biển trong tổng giá trị sản xuất thủy sản đạt 15%.

- *Về phát triển không gian biển, hạ tầng biển:* Hình thành trung tâm du lịch biển quốc gia, khu kinh tế đặc biệt tỉnh Lâm Đồng, các khu công nghiệp ven biển, cụm công nghiệp nuôi biển công nghệ cao gắn với hệ thống cảng biển, logistics hiện đại theo quy hoạch. Hoàn thành 100% tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch; đặc khu Phú Quý được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ.

- *Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:* Tiếp cận, ứng dụng nhanh khoa học công nghệ biển hiện đại. Hình thành hạ tầng đồng bộ kết nối cơ sở dữ liệu biển quốc gia. Tỷ lệ số hóa, tích hợp và chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động kinh tế biển đạt 100% trong hệ thống quản lý nhà nước.

- *Về quản trị không gian biển, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:* Hoàn thành 100% phân vùng chức năng biển cho từng ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo lộ trình của Trung ương. Diện tích bảo tồn biển đạt tối thiểu 6% tổng diện tích vùng biển tỉnh quản lý; thành lập và tổ chức quản lý hiệu quả các khu bảo tồn biển theo quy hoạch. 100% các khu công nghiệp, khu đô thị và cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn; 100% chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý. Đặc khu Phú Quý được đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải.

- *Về văn hóa xã hội*: 100% các di sản văn hóa biển trên địa bàn tỉnh được số hóa; Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh phấn đấu đạt khoảng 0,75; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, có kỹ năng trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển đạt trên 45%; 100% cư dân vùng biển được tiếp cận điện, nước sạch, Internet băng rộng và dịch vụ y tế, giáo dục.

- *Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hợp tác quốc tế*: Bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển. Bảo đảm an ninh toàn diện cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển. 100% công trình, dự án trọng điểm và các công trình biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn. Xây dựng và triển khai có hiệu quả phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống. Chủ động thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển và đại dương.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Lâm Đồng trở thành trung tâm biển mạnh, phát triển bền vững dựa trên quản trị biển hiện đại, khoa học, công nghệ biển tiên tiến, là một cực tăng trưởng quan trọng của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân vùng ven biển, đảo được nâng cao toàn diện. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu gắn với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu, theo dõi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Kế hoạch này.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được giao tại Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ, Chương trình số 40-CTr/TU ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 93-KH/ĐU ngày 09/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển quốc gia biển mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển quốc gia

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về xây dựng, phát triển quốc gia biển mạnh và tỉnh mạnh về biển bằng hình thức phù hợp, thiết thực; gắn tuyên truyền với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo.

- Lồng ghép nội dung phát triển kinh tế biển vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của các sở, ngành, địa phương nhằm nâng cao nhận thức biển là không gian phát triển chiến lược, động lực tăng trưởng mới, nơi hội tụ các lợi ích phát triển về kinh tế, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ, đối ngoại và hội nhập.

- Tiếp nhận, kết nối và khai thác hiệu quả hệ thống dữ liệu, thông tin về biển

được Trung ương chuyển giao; tăng cường chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, lực lượng thực thi pháp luật trên biển và địa phương ven biển, bảo đảm liên thông, phục vụ hiệu quả công tác quản lý.

- Rà soát, kiện toàn mô hình quản lý nhà nước về biển, hải đảo, đề xuất cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng và quy trình phối hợp trong xử lý các vấn đề phát sinh trên biển theo hướng dẫn của Trung ương.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tuyên truyền giám sát, phản biện xã hội, xây dựng và thực hiện chính sách về biển; huy động sự tham gia của toàn xã hội trong xây dựng Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và tổ chức không gian phát triển biển

- Rà soát, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương về biển, hải đảo và các lĩnh vực liên quan; thực hiện nghiêm Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng bộ quy hoạch tỉnh và triển khai thực hiện.

- Tổ chức phân vùng chức năng sử dụng không gian biển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, tuân thủ đầy đủ nguyên tắc xử lý chồng lấn trong phân vùng sử dụng không gian biển theo quy định; xây dựng, triển khai Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ theo hướng dẫn của Trung ương.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khu kinh tế đặc biệt, đặc khu Phú Quý và các ngành kinh tế biển có tiềm năng, lợi thế. Khuyến khích các mô hình đầu tư xanh, thông minh, tuần hoàn, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khai thác, sử dụng không gian biển.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục đầu tư liên quan đến lĩnh vực biển, đảo, công khai, minh bạch quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết theo quy định, tạo môi trường đầu tư thuận lợi và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực; phát triển doanh nghiệp biển

- Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, huy động nguồn lực, ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng chiến lược phục vụ phát triển kinh tế biển, liên kết vùng, khu kinh tế đặc biệt, các khu công nghiệp, các ngành du lịch, năng lượng, logistics,... có tính dẫn dắt, tạo động lực lan tỏa.

- Rà soát, xác định danh mục dự án trọng điểm biển, ven biển và hải đảo theo

từng giai đoạn; ưu tiên dự án xanh, tuần hoàn, phát thải thấp, giá trị gia tăng cao; kiên quyết không thu hút dự án công nghệ lạc hậu, tiêu hao tài nguyên, nguy cơ ô nhiễm lớn.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp trong các lĩnh vực cảng biển, logistics, đóng tàu, du lịch, nuôi biển, chế biến thủy sản, năng lượng và công nghệ biển theo quy định.

- Tập trung rà soát, phân loại và xử lý dứt điểm theo quy định các dự án vùng ven biển tồn đọng, chậm triển khai, gặp khó khăn, vướng mắc; tài sản công sử dụng kém hiệu quả.

- Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực phải bám sát khả năng cân đối ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; ưu tiên công trình hạ tầng thiết yếu, dự án cấp bách về phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các dự án có tác động lan tỏa. Đối với dự án có khả năng thu hồi vốn, đẩy mạnh huy động vốn doanh nghiệp, đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực biển

- Tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch hành động số 174-KH/TU, ngày 21/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực biển.

- Ưu tiên triển khai các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ điều tra cơ bản; quan trắc, giám sát, dự báo môi trường biển; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái biển; triển khai hệ thống quản trị, giám sát môi trường trên nền tảng số tại các khu kinh tế, khu công nghiệp và cảng biển của tỉnh.

- Kết nối và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biển; hoàn thiện hạ tầng số; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và các nền tảng số trong quản lý, giám sát và khai thác thông tin phục vụ quản trị biển.

- Rà soát, triển khai các giải pháp thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao; chú trọng đội ngũ quản lý nhà nước, chuyên gia, kỹ sư, nhà khoa học trong các lĩnh vực biển và nhân lực các ngành kinh tế biển mũi nhọn như logistics, công nghiệp biển, du lịch biển, năng lượng tái tạo, chuyển đổi số; đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại, chuyển đổi nghề cho lao động vùng ven biển.

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các lĩnh vực biển mới

- Tổ chức thực hiện chuyển đổi xanh, chuyển đổi số toàn diện các ngành, lĩnh vực biển; rà soát, thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thân thiện môi

trường, đa mục tiêu, hạ tầng dùng chung, gắn với các chiến lược về quốc phòng, an ninh; khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế biển gần bờ (12 hải lý).

- Rà soát, cơ cấu lại ngành thủy sản theo chuỗi giá trị, hiện đại, bền vững; ban hành cơ chế, chính sách tạo đột phá nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao, sản xuất giống; phát triển cơ sở lưu trữ, bảo quản nguyên liệu thủy sản, chế biến sâu, truy xuất nguồn gốc; ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp nuôi biển công nghệ cao, cảng cá, khu tránh trú bão tàu cá, xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với chợ cá biển quốc gia.

- Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực kiểm ngư, tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

- Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển du lịch biển, đảo theo hướng xanh, bền vững, thông minh, chất lượng cao; đa dạng hóa các sản phẩm du lịch biển, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, thể thao biển, sinh thái, văn hóa cộng đồng; chú trọng xây dựng và phát triển các sản phẩm liên kết “*hành trình biển - cao nguyên*” và các vùng phụ cận. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, chuyển đổi số, tăng cường tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch biển nhằm nâng cao sức hấp dẫn điểm đến, thu hút khách du lịch và mở rộng thị trường.

- Tổ chức triển khai Đề án thành lập Khu kinh tế đặc biệt tỉnh Lâm Đồng; đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp Sơn Mỹ 1, 2 và thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

- Triển khai các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng ngoài khơi, LNG và các ngành năng lượng mới theo quy hoạch; thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ năng lượng; bảo đảm an toàn, môi trường, an ninh năng lượng, hạ tầng truyền tải và sự tham gia của doanh nghiệp trong nước trong chuỗi cung ứng.

- Phát triển kinh tế hàng hải, hệ thống cảng biển xanh, thông minh, dịch vụ logistics hàng hải; đầu tư, phát triển khu bến Sơn Mỹ, khu bến Vĩnh Tân, bến cảng Phan Thiết, Phú Quý, Kê Gà, Tuy Phong; thu hút đầu tư phát triển trung tâm logistics: Vĩnh Tân, Sơn Mỹ, Phú Quý; kết nối đồng bộ, hiệu quả với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng không.

- Tổ chức thăm dò, khai thác và thu hút đầu tư các dự án chế biến sâu titan và các loại khoáng sản khác, sử dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, bảo vệ môi trường bền vững, bảo đảm phù hợp với quy hoạch khoáng sản quốc gia được phê duyệt, từng bước hình thành trung tâm chế biến sâu titan của quốc gia.

- Nghiên cứu, phát triển các lĩnh vực biển mới có tiềm năng như công nghệ sinh học biển, y - dược biển, khử mặn, điện sóng, hydro và amoniac xanh phù hợp điều kiện thực tế, quy hoạch và quy định pháp luật.

6. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển và hình thành các trung tâm kinh tế biển

- Rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện các quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng biển, ven biển, hải đảo và hạ tầng kết nối; ưu tiên hoàn thiện các tuyến giao thông ven biển, cao tốc, quốc lộ, đường sắt, các trục Đông - Tây và kết nối cảng biển, sân bay, khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị theo quy hoạch.

- Tích hợp mục tiêu phát triển quốc gia biển mạnh vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chức năng ven biển; bảo đảm liên kết vùng, liên kết đô thị - công nghiệp - dịch vụ - logistics - năng lượng, từng bước mở rộng không gian phát triển ra biển.

- Tập trung phát triển ba vùng kinh tế - xã hội: Vùng phía Đông Nam Lâm Đồng; Vùng phía Đông Bắc Lâm Đồng; Vùng đặc khu Phú Quý và vùng biển ngoài khơi Lâm Đồng; phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế và khu vực động lực phát triển theo Quy hoạch tỉnh.

- Rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển khu kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do, khu kinh tế tự do và các cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển; thu hút đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường.

- Ưu tiên bố trí vốn, huy động nguồn lực xã hội và nguồn vốn hợp pháp khác để kiên cố hóa, nâng cấp hạ tầng thiết yếu tại đảo, vùng ven biển, nhất là hạ tầng điện, nước, viễn thông, y tế, giáo dục, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu; đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu cho đặc khu Phú Quý.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

- Rà soát, cập nhật, tổ chức thực hiện các phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản; quản lý hiệu quả khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi, rạn san hô, cỏ biển, rừng phòng hộ ven biển; hạn chế thấp nhất tác động đến nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái biển.

- Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải; kiểm soát chặt chẽ nguồn thải từ đất liền, ven biển, hải đảo và hoạt động trên biển; tăng cường thu gom, phân loại, tái chế, xử lý rác thải nhựa ven biển, rác thải nhựa đại dương và chất thải phát sinh từ hoạt động kinh tế biển; thực hiện phân loại tại nguồn, nhất là tại các khu du lịch.

- Nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo sớm, ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, xói lở, xâm nhập mặn, nước biển dâng. Rà soát nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với đô thị, hạ tầng, khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển. Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình bảo vệ bờ biển, phục hồi vành đai sinh thái chắn sóng, chắn gió. Thực hiện quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

- Huy động doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và tổ chức xã hội tham gia bảo vệ, phục hồi, quản lý khu bảo tồn biển và hệ sinh thái biển gắn với sinh kế bền vững

và phát triển kinh tế biển xanh.

8. Xây dựng văn hóa biển, nâng cao đời sống Nhân dân và phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển

- Rà soát, bảo tồn, tôn tạo, số hóa và phát huy di sản văn hóa, lịch sử, lễ hội, tri thức bản địa, nghề truyền thống và không gian văn hóa biển; xây dựng sản phẩm văn hóa - du lịch đặc trưng; phát triển công viên biển, quảng trường biển, không gian công cộng ven biển phù hợp quy hoạch và bảo đảm quyền tiếp cận của cộng đồng.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, nước sạch, điện, Internet băng rộng, nhà ở và thiết chế văn hóa cho cư dân vùng biển, hải đảo; ưu tiên khu vực xa trung tâm đặc biệt là đặc khu Phú Quý.

- Hỗ trợ ngư dân, người lao động biển chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm và các dịch vụ xã hội cơ bản; phát triển tổ đội, hợp tác xã, doanh nghiệp cộng đồng; xây dựng cộng đồng cư dân biển tự quản, an toàn, văn minh, tham gia bảo vệ môi trường và chủ quyền.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp và cộng đồng, huy động nguồn lực xã hội và thực hiện các hoạt động hướng về biển, đảo; phát huy vai trò của ngư dân, cư dân ven biển trong phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh, trật tự và tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, đảo; tăng cường hợp tác quốc tế

- Kết hợp chặt chẽ quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội với thể trận quốc phòng, an ninh; thẩm định đầy đủ yêu cầu quốc phòng, an ninh, chủ quyền, hàng hải, biên phòng và bảo vệ bí mật nhà nước đối với dự án tại khu vực biển, ven biển, hải đảo.

- Phối hợp xây dựng, củng cố lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển và lực lượng dân quân biển vững mạnh; tăng cường phối hợp tuần tra, kiểm soát, phòng, chống tội phạm, buôn lậu, vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh hàng hải, an ninh cảng biển, năng lượng, hạ tầng số và các công trình trọng yếu.

- Nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, y tế biển, ứng phó sự cố; phát huy vai trò ngư dân, doanh nghiệp vận tải, du lịch và cộng đồng trong bảo vệ chủ quyền, cung cấp thông tin và hỗ trợ lực lượng chức năng trên biển.

- Tăng cường công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, đảo và đại dương có trọng tâm trong nghiên cứu biển, công nghệ đại dương, đào tạo, bảo tồn, quản trị biển, du lịch, logistics, năng lượng và ứng phó biến đổi khí hậu; chủ động triển khai các hoạt động đối ngoại, hợp tác với các địa phương, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài và đối tác nước ngoài phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và định hướng đối ngoại của tỉnh; đẩy mạnh thông tin đối ngoại, pháp luật quốc tế về biển, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế

mạnh của Lâm Đồng; phối hợp vận động, thu hút nguồn lực tri thức, công nghệ, đầu tư quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững vùng biển, đảo của tỉnh.

Danh mục các nhiệm vụ cụ thể, phân công cơ quan, đơn vị chủ trì; cơ quan, đơn vị phối hợp, kết quả/sản phẩm, nguồn lực và thời hạn hoàn thành tại Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch này.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu Phú Quý

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 34-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Chương trình số 40-CTr/TU, ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 93-KH/ĐU, ngày 09/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và Kế hoạch này của UBND tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các nội dung được phân công chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, khẩn trương xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết; phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ sản phẩm, tiến độ và nguồn lực thực hiện; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng yêu cầu và gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm người đứng đầu.

- Đối với nhiệm vụ đã rõ, đã có văn bản chỉ đạo hoặc đã có chương trình, đề án đang triển khai, các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện ngay, không ban hành thêm văn bản trung gian không cần thiết.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung, giải pháp, đề án, dự án, nhiệm vụ đã được giao tại Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh Bình Thuận (cũ). Trong đó:

+ Đối với các đề án, dự án, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 912/QĐ-UBND nhưng có nội dung liên quan trực tiếp đến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 218/NQ-CP, Chương trình số 40-CTr/TU: tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đã được duyệt; đồng thời chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu mới theo Nghị quyết số 218/NQ-CP, Chương trình số 40-CTr/TU và Kế hoạch này. Trường hợp cần điều chỉnh mục tiêu, nội dung, quy mô, kinh phí hoặc thời gian thực hiện, cơ quan chủ trì đề án, dự án tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

+ Đối với các nhiệm vụ, đề án thuộc Quyết định số 912/QĐ-UBND chưa triển

khai hoặc đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, phê duyệt: Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm rà soát, đối chiếu với nội dung Nghị quyết số 218/NQ-CP, Chương trình số 40-CTr/TU và Kế hoạch này. Trường hợp còn phù hợp, tiếp tục hoàn thiện thủ tục để triển khai, trong đó lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch này. Trường hợp không còn phù hợp với Nghị quyết số 218/NQ-CP, Chương trình số 40-CTr/TU và Kế hoạch này, cơ quan chủ trì rà soát, dừng thực hiện theo thẩm quyền hoặc xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, dừng thực hiện theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế và quan hệ với đối tác nước ngoài trong quá trình triển khai Kế hoạch phải bảo đảm đúng chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực với Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời gian UBND tỉnh chưa kiện toàn cơ quan chủ trì điều phối hoạt động trên biển) để theo dõi, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổng hợp nhu cầu, tham mưu bố trí nguồn lực thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thông tin, truyền thông về kết quả triển khai Kế hoạch; tạo đồng thuận xã hội, huy động sự tham gia của doanh nghiệp, người dân và cộng đồng vùng biển, đảo.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát mô hình quản lý nhà nước về biển, đảo; đề xuất cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển; cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng và quy trình phối hợp trong xử lý các vấn đề phát sinh trên biển; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan theo hướng dẫn của Trung ương; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế

hoạch trong thời gian UBND tỉnh chưa kiện toàn cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển theo hướng dẫn của Trung ương.

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh; theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ được giao; tổng hợp, tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh và đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ của Kế hoạch khi cần thiết.

- Rà soát, ban hành danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn, danh mục khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản theo quy định; tham mưu bố trí lực lượng, kinh phí và các điều kiện cần thiết để quản lý, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trong bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

6. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15/12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hằng năm; đồng thời tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết và điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, các cơ quan, đơn vị kịp thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ, Chương trình số 40-CTr/TU ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 93-KH/ĐU ngày 09/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu Phú Quý;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Đ/c Toàn);
- Lưu: VT, NNMT (V.Thường).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Phúc

